

Số: 46 /2020/QĐST – HNGĐ.

Mỹ Hào, ngày 12 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2020 /TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H – SN: 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố D – phường M- thị xã M – tỉnh H

Bị đơn: Anh Phạm Đình Hảo – SN: 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố D – phường M- thị xã M – tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Thị Phương Th – SN: 06/12/1998

Cháu Phạm Thị Ngọc L – SN: 04/5/2005

Cháu Phạm Minh A – SN: 23/3/2012

Đều địa chỉ: Tổ dân phố D – phường M- thị xã M – tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật cho cháu L và cháu Minh A: Chị Bùi Thị Thu H – SN: 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố D – phường M- thị xã M – tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Thu H – SN: 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố D – phường M- thị xã M – tỉnh H

Anh Phạm Đình H – SN: 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố D – phường M- thị xã M – tỉnh H

2/- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị Thu H và anh Phạm Đình H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 03 con chung là Phạm Thị Phương Th – SN: 06/12/1998, Phạm Thị Ngọc L – SN: 04/5/2005, Phạm Minh A – SN: 23/3/2012. Cháu Th đã thành niên. Anh chị thỏa thuận giao cháu L và cháu Minh A cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu thành niên, chị H tự nguyện không yêu cầu anh Hảo cấp dưỡng nuôi con. Chị H là người đại diện theo pháp luật cho cháu L và cháu Minh A.

Anh Hảo được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- **Về tài sản:** Anh chị tự thỏa thuận, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ, công sức, ruộng nông nghiệp:** Không có.

- **Về án phí:** Chị H tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0004205 ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Trả lại chị H số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND thị xã M
- Chi cục T.H.A DS thị xã M
- UBND phường M
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trần Ngọc Lâm